



UBND PHƯỜNG NGÔ QUYỀN
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Thông tin về học sinh

Kết quả tuyển sinh lớp 6, năm học 2025-2026: 283 học sinh

Số liệu học sinh, cụ thể trong năm học 2025-2026

Học sinh	Tổng số	Số học sinh bình quân/lớp	Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	Học sinh là người dân tộc thiểu số	Học sinh khuyết tật
Khối 6	283	47	0		2
Khối 7	245	41	0	1	8
Khối 8	361	45	0	1	7
Khối 9	275	40	0		1
Tổng cộng	1164	43	0	2	18

2. Kết quả đánh giá học sinh:

* Kết quả năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1151	252	360	272	267
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1094 95.05%	223 88.49%	342 95%	263 96.69%	266 99.63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	48 4.17%	25 9.92%	14 3.89%	9 3.31%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	8 07%	4 1.59%	4 1.11%	0 0%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	1151	252	360	272	267
1	Tốt	723	155	214	163	191

	(tỷ lệ so với tổng số)	62.81%	61.51%	59.44%	59.93%	71.54%
2	Khá	295	56	100	80	59
	(tỷ lệ so với tổng số)	25.63%	22.22%	27.78%	29.41%	22.1%
3	Đạt	126	39	43	28	16
	(tỷ lệ so với tổng số)	10.95%	15.48%	11.94%	10.29%	5.99%
4	Chưa đạt	4	1	2	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.35%	0.4%	0.56%	0.37%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	1147	251	358	271	267
	(tỷ lệ so với tổng số)	99,65%	99.6%	99,44%	99.63%	100%
1.2	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021	1151	252	360	272	267
a	Học sinh xuất sắc	323	57	85	83	98
	(tỷ lệ so với tổng số)	28.06%	22.62%	23.61%	30.51%	36.7%
b	Học sinh giỏi	400	98	129	80	93
	(tỷ lệ so với tổng số)	34.75%	38.89%	35.83%	29.41%	34.83%
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè	4	1	2	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.35%	0.4%	0.56%	0.37%	0%
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đi	40	8	18	10	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.47%	3.17%	5%	3.67%	1.49%
5	Chuyển trường đến	13	2	6	3	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.13%	0.79%	1.67%	1.10%	0.75%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%	0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	152	32	52	33	35
1	Cấp quận	62	2	16	17	27
2	Cấp thành phố	12	2	1	5	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế (Các cuộc thi hội nhập/năng khiếu)	78	28	35	11	4
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	266				266
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	267				267
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 - THPT					
1	Trường công lập	141				170

	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	47%				63.67%
2	Trường ngoài công lập	159				99
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	53%				37.07%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	563/588	121/131	183/177	127/145	132/135
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	01	01		



